TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 41/2024/DS-PT Ngày: 27-3-2024 V/v: "Tranh chấp tài sản thuộc sở hữu chung và tranh chấp di sản thừa kế".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Huỳnh Châu Thạch

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Đức

Ông Nguyễn Thành Tâm

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Đạt Nguyên – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Bà Nguyễn Thị Thu Hà – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 306/2023/TLPT-DS ngày 19 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp: *"Tài sản thuộc sở hữu chung, tranh chấp di sản thừa kế"*.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 82/2023/DS-ST ngày 27 tháng 7 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 05/2024/QĐ-PT ngày 04 tháng 01 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 09/2024/QĐ-PT ngày 23 tháng 01 năm 2024, Thông báo về việc mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án Dân sự số 118/TB-TA ngày 26 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Tằng Lộc M, sinh năm: 1937; cư trú tại thôn P, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

Người đại diện hợp pháp: Ông Dương Đình N, sinh năm: 1974; địa chỉ liên hệ: số F, đường N, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 4260, quyển số 02TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng C chứng nhận ngày 11/6/2019); có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Sú Lỹ N1, sinh năm: 1992; cư trú tại thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1979; địa chỉ liên hệ: đường N, tổ B, phường N, thành phố G, tỉnh Đăk Nông, Luật sư của Văn phòng luật sư Nguyễn Thiên H1 - Đoàn Luật sư tỉnh Đ; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Cháu Trương Hỷ L, sinh năm: 2008;

2. Cháu Trương Hỷ P, sinh năm: 2010.

Cùng cư trú tại thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của cháu L, cháu P: Bà Sú Lỹ N1, sinh năm: 1992; cư trú tại thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, là người đại diện theo pháp luật (mẹ ruột); có mặt.

3. Ngân hàng C1. Địa chỉ: tòa nhà C, khu bán đảo L, phường H, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Bà Chắng Khánh Quỳnh L1, là người đại diện theo ủy quyền; vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Đăng S, sinh năm: 1960; cư trú tại thôn P, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; có đơn đề nghị vắng mặt.

5. Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lâm Đồng; địa chỉ: thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp:

+ Ông Nguyễn Văn H2, là người đại diện theo pháp luật (Chủ tịch Ủy ban nhân dân).

+ Ông Nguyễn Minh A, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 51/UQ – UBND ngày 29/5/2023); vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Sú Lỹ N1 – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện ghi ngày 20/6/2019 của bà Tằng Lộc M, lời trình bày tại các bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm của ông Dương Đình N, người đại diện theo ủy quyền của bà M, thì:

Con trai bà M là ông Trương P1, sinh năm 1973. Do bị bệnh nên đã chết vào ngày 17/01/2018. Khi chết ông P1 không để lại di chúc. Vợ của ông Trương P1 là bà Sú Lỹ N1; có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L vào năm 2012.

Vào năm 2000 bà và ông Trương P1 đã được Ủy ban nhân dân huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 28/12/2000 cho hộ ông (bà) Trương P1

với diện tích đất là 22.302m^2 thuộc thửa số 105, 158, 159 tờ bản đồ số 36 tại xã P, huyện L. Tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì hộ gia đình bà M chỉ có hai thành viên là bà và ông Trương Phi .

Sau khi ông Trương Phi m gia đình bà M không thể tự thỏa thuận phân chia di sản thừa kế nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung của hộ gia đình bà Tằng Lộc M là diện tích đất 22.302m^2 thuộc các thửa số 105, 158, 159, tờ bản đồ số 36 tại xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Bà M yêu cầu chia đôi diện tích đất nêu trên cho bà, theo đó bà M được chia ½ tài sản chung của hộ gia đình với diện tích là 11.151m^2, ông P1 được nhận ½ tài sản chung của hộ gia đình với diện tích là 11.151m^2.

Về di sản của ông P1 để lại thì bà M yêu cầu chia cho bà và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông P1 gồm có bà M, bà N1, cháu L, cháu P. Đối với số tiền khi ông P1 chết để lại gồm có nợ Ngân hàng N2, Chi nhánh L2 số tiền gốc là 400.000.000đ và tiền lãi; nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện C1 số tiền gốc là 42.000.000đ và tiền lãi; các khoản nợ này bà M đã trả. Vì vậy, bà M yêu cầu hàng thừa kế thứ nhất của ông P1 là bà N1, cháu L, cháu P phải thanh toán lại cho bà.

- Theo lời trình bày của bà Sú Lỹ N1 thì: Bà và ông P1 xây dựng gia đình với nhau vào năm 2007. Đến năm 2012 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Trong thời gian chung sống với nhau bà và ông Phi s được 02 người con chung là cháu Trương Hỷ L, sinh năm 2008 và cháu Trương Hỷ P, sinh năm 2010.

Đến năm 2018 thì ông Trương Phi c, khi chết ông P1 không để lại di chúc. Ông P1 để lại di sản thừa kế là diện tích đất 22.302m^2 thuộc thửa số 105, 158, 159 tờ bản đồ số 36 tại xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Qua yêu cầu khởi kiện của bà M thì bà cũng yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của ông P1 để lại theo quy định của pháp luật. Đồng thời bà có yêu cầu đề nghị hủy từ hộ ông Trương P1 trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 28/12/2000 đối với các thửa đất 105, 158, 159, tờ bản đồ số 36, bộ bản đồ địa chính xã P, huyện L và công nhận các thửa đất này là thuộc quyền sử dụng riêng của ông Trương Phi . Đồng thời, bà đại diện cho cháu Trương Hỷ L và cháu Trương Hỷ P đề nghị chia di sản thừa kế của ông P1 cho con.

- Theo lời trình bày của ông Nguyễn Đăng S thì: Vào tháng 6 năm 2022 ông có nhận chuyển nhượng diện tích đất 16.800m^2 thuộc thửa số 104, tờ bản đồ số 36 tại xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Phần đất của ông tiếp giáp với đất của bà M đang tranh chấp với bà N1. Hiện nay trên phần đất của ông có một căn nhà xây, căn nhà này không phải của ông. Khi nhận chuyển nhượng thì ông cũng thỏa thuận

không chuyển nhượng căn nhà này. Vì vậy đối với căn nhà này ông không có ý kiến và yêu cầu gì.

- Theo lời trình bày của bà Chắng Khánh Quỳnh L1, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng C1, thì: Hiện nay gia đình bà Tằng Lộc M và bà S1 Lỹ Nhịt còn nợ Ngân hàng C1, phòng G (Ủy thác qua Hội phụ nữ xã P) số tiền là: 34.598.384đ. Trong đó: số tiền nợ gốc 34.500.000đ, số tiền nợ lãi là 98.384đ (lãi phát sinh tính tới ngày 01/7/2021).

Hồ sơ công nợ lưu tại Ngân hàng C1, Phòng G có đại diện hộ vay vốn là bà Sú Lỹ N1, địa chỉ: thôn P, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Nay giữa các bên có tranh chấp thì Ngân hàng đề nghị gia đình bà Tằng Lộc M và bà Sú Lỹ N1 phải hoàn trả toàn bộ số nợ trên cho Ngân hàng với tổng số tiền là 34.598.384đ.

- Theo lời trình bày của ông Nguyễn Minh A, người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện L, thì:

Theo đơn đăng ký quyền sử dụng đất của ông Trương P1 (không ghi rõ ngày, tháng, năm), ông P1 kê khai đăng ký xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đối với diện tích 22.302m^2, có 400m đất ở (ONT) và 1.902m^2 đất sản xuất nông nghiêpj (CLN), thuộc thửa số 105, 158, 159 tờ bản đồ số 36 tại xã P, nguồn gốc sử dụng đất: khai phá năm 1992.

Ngày 02/10/2000 Ủy ban nhân dân xã P, huyện L có thông báo về việc công khai hồ sơ đăng ký đất đai. Ngày 18/10/2000, Ủy ban nhân dân xã P, huyện L có tờ trình số 07/TTr-UB về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giải quyết các trường hợp chưa đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận, trong đó có hộ ông (bà) Trương Phi .

Ngày 17/12/2000 Phòng Địa chính huyện có tờ trình số 58/TTr-ĐC về việc đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 157 hộ/157 giấy; ngày 28/12/2000, Ủy ban nhân dân huyện L ban hành quyết định số 913/QĐ - UB về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 157 hộ, số giấy được cấp là 157 giấy, trong đó có hộ ông (bà) Trương P1, với diện tích 22.302m^2, có 400m đất ở (ONT) và 1.902m^2 đất sản xuất nông nghiệp (CLN), thuộc thửa số 105, 158, 159 tờ bản đồ số 36 tại xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Như vậy, trình tự thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trương P1 đã được thực hiện theo quy định tại khoản I, phần 2, Thông tư số 346/1998/TT - TCĐC ngày 16/03/1998 của Tổng cục Địa chính hướng dẫn đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại điểm 1,2 mục I.2 khoản I phần 1 của Thông tư số 346/1998/TT - TCĐC ngày 16/03/1998 của Tổng cục Địa chính hướng dẫn đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quy định người chịu trách nhiệm kê khai, đăng ký đất đai gồm: *"1. Chủ hộ hoặc người được chủ hộ uỷ quyền thay*

mặt cho hộ gia đình; 2. Cá nhân hoặc người được uỷ quyền hợp pháp". Đối chiếu với đơn đăng ký quyền sử dụng đất của ông Trương P1 thì chỉ ghi tên ông Trương Phi . Do đó Ủy ban nhân dân huyện không có cơ sở để khẳng định tại thời điểm năm 2000, Ủy ban nhân dân huyện C Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình hay cá nhân ông Trương Phi . Để đảm bảo quyền lợi của các đương sự, Ủy ban nhân dân huyện L đề nghị Tòa án xác minh làm rõ tại thời điểm năm 2000 các thửa đất 105, 158,159 tờ bản đồ địa chính số 36 tại xã P, huyện L là quyền sử dụng chung của hộ gia đình hay của cá nhân ông Trương P1 để làm cơ sở trong quá trình giải quyết vụ án.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án số 82/2023/DS-ST ngày 27 tháng 7 năm 2023; Toà án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tằng Lộc M về việc: *"Tranh chấp tài sản thuộc sở hữu chung và tranh chấp về thừa kế tài sản"* với bị đơn bà Sú Lỹ N1.

- Xác định diện tích đất 7.633m^2 thuộc thửa số 105; diện tích đất 7.176m^2 thuộc thửa số 158; diện tích đất 7.124m^2 thuộc thửa số 159, tờ bản đồ số 36, bộ bản đồ địa chính xã P, huyện L là tài sản chung của ông Trương P1 và bà Tằng Lộc M.

- Chia tài sản chung của ông Trương P1, bà Tằng Lộc M. Trong đó bà Tằng Lộc M được chia tài sản chung có trích lục họa đồ lô đất kèm theo cụ thể như sau:

+ Chia cho bà Tằng Lộc M diện tích đất 3.561m^2 trồng cây lâu năm và 200m^2 đất ở thuộc một phần thửa số 105; diện tích đất 3.636m^2 trồng cây lâu năm thuộc một phần thửa số 158 và diện tích đất 3.518m^2 trồng cây lâu năm thuộc một phần thửa số 159, tờ bản đồ số 36, bộ bản đồ địa chính xã P, huyện L và toàn bộ cây trồng trên đất.

Giá trị tài sản bà M được chia tài sản chung có giá trị là 3.837.524.000đ.

+ Xác định diện tích đất còn lại là 3.872m^2 thuộc một phần thửa số 105; diện tích đất 3.540m^2 thuộc một phần thửa số 158 và diện tích đất 3.606m^2 thuộc một phần thửa số 159, tờ bản đồ số 36, bộ bản đồ địa chính xã P, huyện L là di sản thừa kế do ông Trương P1 để lại.

- Chia cho các đồng thừa kế gồm có bà Tằng Lộc M, bà Sú Lỹ N1, cháu Trương Hỷ P, cháu Trương Hỷ L diện tích đất nêu trên có trích lục họa đồ lô đất kèm theo cụ thể như sau:

- Chia cho bà Tằng Lộc M diện tích đất 828m^2 cây lâu năm và 50m^2 đất ở thuộc một phần thửa số 105; diện tích đất 794m^2 cây lâu năm thuộc một phần thửa số 158 và diện tích đất 805m^2 cây lâu năm thuộc một phần thửa số 159, tờ bản đồ

số 36, bộ bản đồ địa chính xã P, huyện L và cây trồng trên đất. Giá trị tài sản bà M được chia là 873.807.000đ.

- Chia cho bà S1 Lỹ Nhịt diện tích đất 829m^2 cây lâu năm và 50m^2 đất ở thuộc một phần thửa số 105; diện tích đất 801m^2 cây lâu năm thuộc một phần thửa số 158 và diện tích đất 837m^2 cây lâu năm thuộc một phần thửa số 159, tờ bản đồ số 36, bộ bản đồ địa chính xã P, huyện L và cây trồng trên đất. Giá trị tài sản bà N1 được chia là 886.353.000đ.

- Chia cho cháu Trương Hỷ L diện tích đất 830m^2 cây lâu năm và 50m^2 đất ở thuộc một phần thửa số 105; diện tích đất 807m^2 cây lâu năm thuộc một phần thửa số 158 và diện tích đất 870m^2 cây lâu năm thuộc một phần thửa số 159, tờ bản đồ số 36, bộ bản đồ địa chính xã P, huyện L và cây trồng trên đất. Giá trị tài sản cháu L được chia là 898.899.000đ.

- Chia cho cháu Trương Hỷ P diện tích đất 994m^2 cây lâu năm và 50m^2 đất ở thuộc một phần thửa số 105; diện tích đất 1.138m^2 cây lâu năm thuộc một phần thửa số 158 và diện tích đất 1.094m^2 cây lâu năm thuộc một phần thửa số 159, tờ bản đồ số 36, bộ bản đồ địa chính xã P, huyện L và cây trồng trên đất (theo kết quả đo vẽ là diện tích đất 1.137m^2 - 93m^2 = 1.044m^2). Giá trị tài sản cháu P được chia là 1.141.715.000đ.

- Giao cho bà S1 Lỹ Nhịt quản lý, sử dụng phần diện tích đất của cháu L, cháu P được chia cho đến khi cháu L, cháu P đủ tuổi trưởng thành theo quy định của pháp luật.

- Buộc bà Sú Lỹ N1 phải thanh toán lại cho bà Tằng Lộc M giá trị tài sản chênh lệch là 91.264.000đ.

Đất chia cho bà M, bà N1, cháu L, cháu P như trên có họa đồ lô đất kèm theo. Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục điều chỉnh sang tên theo quy định của pháp luật.

1. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà S1 Lỹ Nhịt về việc yêu cầu hủy từ hộ trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông (bà) Trương Phi đối với diện tích đất 22.302m^2 thuộc thửa số 105, 158, 159 tờ bản đồ số 36, bộ bản đồ địa chính xã P, huyện L.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tằng Lộc M về việc yêu cầu các đồng thừa kế phải thanh toán lại cho bà số tiền 400.000.000đ và số tiền 42.000.000đ.

4. Đình chỉ yêu cầu độc lập của Ngân hàng C1, chi nhánh L3 về việc yêu cầu bà Tằng Lộc M, bà Sú Lỹ N1 phải trả cho Ngân hàng số tiền là 34.598.384đ.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 28/7/2023 bà Sú Lỹ N1 kháng cáo yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa,

Các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án; cụ thể: phần diện tích đất theo họa đồ đo vẽ mà bà M được hưởng di sản thừa kế của ông P1 thì tặng cho lại cho hai cháu là Trương Hỷ P, cháu Trương Hỷ L; hai lô đất tiếp theo lô đất nói trên được giao cho hai cháu Trương Hỷ P, cháu Trương Hỷ L; lô đất nằm phía ngoài cùng thì giao cho bà N1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay: đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xuất phát từ việc bà Tằng Lộc M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của hộ gia đình bao gồm bà Tằng Lộc M và ông Trương P1 là diện tích đất 22.302m^2 thuộc các thửa số 105, 158, 159, tờ bản đồ số 36 tại xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Trương P1 để lại là ½ diện tích đất nói trên. Bà Sú Lỹ N1 không đồng ý nên các bên phát sinh tranh chấp.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là *"Tranh chấp tài sản thuộc sở hữu chung và tranh chấp di sản thừa kế"* là có căn cứ.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bà Tằng Lộc M là nguyên đơn và bị đơn bà Sú Lỹ N1 thỏa thuận được với nhau về toàn bộ nội dung vụ án, cụ thể như sau:

- Chia cho bà Tằng Lộc M diện tích đất 3.561m^2 trồng cây lâu năm và 200m^2 đất ở thuộc một phần thửa số 105; diện tích đất 3.636m^2 trồng cây lâu năm thuộc một phần thửa số 158 và diện tích đất 3.518m^2 trồng cây lâu năm thuộc một phần thửa số 159, tờ bản đồ số 36, bộ bản đồ địa chính xã P, huyện L và toàn bộ cây trồng trên đất.

- Chia cho cháu Trương Hỷ L, cháu Trương Hỷ P diện tích đất 828m^2 cây lâu năm và 50m^2 đất ở thuộc một phần thửa số 105; diện tích đất 794m^2 cây lâu năm thuộc một phần thửa số 158 và diện tích đất 805m^2 cây lâu năm thuộc một phần thửa số 159, tờ bản đồ số 36, bộ bản đồ địa chính xã P, huyện L và cây trồng trên đất.

- Chia cho cháu Trương Hỷ P diện tích đất 829m^2 cây lâu năm và 50m^2 đất ở thuộc một phần thửa số 105; diện tích đất 801m^2 cây lâu năm thuộc một phần thửa số 158 và diện tích đất 837m^2 cây lâu năm thuộc một phần thửa số 159, tờ bản đồ số 36, bộ bản đồ địa chính xã P, huyện L và cây trồng trên đất.

- Chia cho cháu Trương Hỷ L diện tích đất 830m^2 cây lâu năm và 50m^2 đất ở thuộc một phần thửa số 105; diện tích đất 807m^2 cây lâu năm thuộc một phần thửa số 158 và diện tích đất 870m^2 cây lâu năm thuộc một phần thửa số 159, tờ bản đồ số 36, bộ bản đồ địa chính xã P, huyện L và cây trồng trên đất.

- Chia cho bà S1 Lỹ Nhịt diện tích đất 994m^2 cây lâu năm và 50m^2 đất ở thuộc một phần thửa số 105; diện tích đất 1.138m^2 cây lâu năm thuộc một phần thửa số 158 và diện tích đất 1.094m^2 cây lâu năm thuộc một phần thửa số 159, tờ bản đồ số 36, bộ bản đồ địa chính xã P, huyện L và cây trồng trên đất.

- Giao cho bà S1 Lỹ Nhịt quản lý, sử dụng phần diện tích đất của cháu L, cháu P được chia cho đến khi hai cháu đủ tuổi trưởng thành theo quy định của pháp luật.

- Bà Sú Lỹ N1 có trách nhiệm thanh toán cho bà Tằng Lộc M giá trị tài sản chênh lệch là 91.264.000đ.

[3] Về chi phí tố tụng: Bà Sú Lỹ N1 phải thanh toán cho bà Tằng Lộc M số tiền 38.472.200đ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo vẽ và thẩm định giá tài sản.

[4] Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự về giải quyết vụ án là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái với đạo đức xã hội nên cần công nhận. Tuy nhiên, do một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt nên Hội đồng xét xử không thể sửa Bản án để công nhận sự thỏa thuận mà ban hành Bản án để ghi nhận sự thỏa thuận này của các đương sự là có căn cứ.

[5] Từ những phân tích trên, cần chấp nhận một phần kháng cáo của bà Sú Lỹ N1 để sửa Bản án sơ thẩm; ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự là phù hợp.

Các phần khác của Quyết định của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí:

Các đương sự phải chịu án phí trên giá trị kỷ phần thừa kế được nhận. Tuy nhiên, bà Tằng Lộc M sinh năm 1937 là người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 của Luật Người cao tuổi số 39/2009/QH12 ngày 23/11/2009; đồng thời, cháu Trương Hỷ L, sinh năm 2008; cháu Trương Hỷ P, sinh năm 2010, là trẻ em theo quy định tại Điều 1 Luật Trẻ em số 102/2016/QH13 ngày 05/4/2016 nên cần căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; cần miễn toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm cho bà M, cháu L, cháu P.

Bà Sú Lỹ N1 phải chịu 46.251.450đ án phí Dân sự sơ thẩm (giá trị tài sản được chia: 1.141.715.000đ; án phí là: 36.000.000đ + 341.715.000đ x 3%).

Do kháng cáo được chấp nhận nên bà N1 không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308, các Điều 157, 158, 165 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 212, 219, 611, 612, 613, 615, , 649, 650, 651 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Sú Lỹ N1; sửa Bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tằng Lộc M về việc: *"Tranh chấp tài sản thuộc sở hữu chung và tranh chấp di sản thừa kế"* với bà Sú Lỹ N1.

1. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. Chia cho bà Tằng Lộc M diện tích đất 3.561m^2 trồng cây lâu năm và 200m^2 đất ở thuộc một phần thửa số 105; diện tích đất 3.636m^2 trồng cây lâu năm thuộc một phần thửa số 158 và diện tích đất 3.518m^2 trồng cây lâu năm thuộc một phần thửa số 159, tờ bản đồ số 36, bộ bản đồ địa chính xã P, huyện L và toàn bộ cây trồng trên đất.

1.2. Chia cho cháu Trương Hỷ L, cháu Trương Hỷ P diện tích đất 828m^2 cây lâu năm và 50m^2 đất ở thuộc một phần thửa số 105; diện tích đất 794m^2 cây lâu năm thuộc một phần thửa số 158 và diện tích đất 805m^2 cây lâu năm thuộc một phần thửa số 159, tờ bản đồ số 36, bộ bản đồ địa chính xã P, huyện L và cây trồng trên đất.

1.3. Chia cho cháu Trương Hỷ P diện tích đất 829m^2 cây lâu năm và 50m^2 đất ở thuộc một phần thửa số 105; diện tích đất 801m^2 cây lâu năm thuộc một phần thửa số 158 và diện tích đất 837m^2 cây lâu năm thuộc một phần thửa số 159, tờ bản đồ số 36, bộ bản đồ địa chính xã P, huyện L và cây trồng trên đất.

1.4. Chia cho cháu Trương Hỷ L diện tích đất 830m^2 cây lâu năm và 50m^2 đất ở thuộc một phần thửa số 105; diện tích đất 807m^2 cây lâu năm thuộc một phần thửa số 158 và diện tích đất 870m^2 cây lâu năm thuộc một phần thửa số 159, tờ bản đồ số 36, bộ bản đồ địa chính xã P, huyện L và cây trồng trên đất.

1.5. Chia cho bà S1 Lỹ Nhịt diện tích đất 994m^2 cây lâu năm và 50m^2 đất ở thuộc một phần thửa số 105; diện tích đất 1.138m^2 cây lâu năm thuộc một phần thửa số 158 và diện tích đất 1.094m^2 cây lâu năm thuộc một phần thửa số 159, tờ bản đồ số 36, bộ bản đồ địa chính xã P, huyện L và cây trồng trên đất.

1.6. Giao cho bà S1 Lỹ Nhịt quản lý, sử dụng phần diện tích đất của cháu L, cháu P được chia cho đến khi cháu L, cháu P đủ tuổi trưởng thành theo quy định của pháp luật.

1.7. Xác định con đường có diện tích 191m^2; trong đó chiều dài là 45,9m, chiều rộng là 04m (phần nằm tiếp giáp với các phần đất mà các đương sự được chia) là con đường đi chung của bà Tằng Lộc M, bà Sú Lỹ N1, cháu Trương Hỷ P và cháu Trương Hỷ L.

1.8. Bà Sú Lỹ N1 có trách nhiệm thanh toán cho bà Tằng Lộc M giá trị tài sản chênh lệch là 91.264.000đ (chín mươi mốt triệu, hai trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

(Có họa đồ đo đạc thửa đất theo hiện trạng sử dụng do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L thực hiện ngày 24/7/2023 kèm theo).

2. Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký kê khai, điều chỉnh sang tên, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3. Bà Tằng Lộc M có trách nhiệm giao bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R220732 do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lâm Đồng cấp cho hộ ông (bà) Trương Phi ngày 28/12/2000 cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để cùng với bà Sú Lỹ N1, cháu Trương Hỷ P và cháu Trương Hỷ L làm thủ tục đăng ký kê khai diện tích đất được chia nói trên.

4. Các phần khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Về chi phí tố tụng: Bà Sú Lỹ N1 phải thanh toán cho bà Tằng Lộc M số tiền 38.472.200đ (ba mươi tám triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn hai trăm đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo vẽ và thẩm định giá tài sản.

6. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

Miễn toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm cho bà Tằng Lộc M, cháu Trương Hỷ L, cháu Trương Hỷ P.

Bà Sú Lỹ N1 phải chịu 46.251.450đ án phí Dân sự sơ thẩm; được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004340 ngày 04/12/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự

huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Bà N1 còn phải nộp 45.951.450đ án phí Dân sự sơ thẩm.

- Án phí phúc thẩm: Bà Sú Lỹ N1 không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm.

7. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng KT-NV & THA (01);
- TAND huyện Lâm Hà (01);
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà (01);
- Các đương sự (07);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án (03).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Châu Thạch